TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 01 - 2024
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phù Thọ Bổn

2/ Ông Trương Công Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1965, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Hòn C, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:

Vào khoảng năm 1989, bà C và ông T quen biết, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình, có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng. Từ khi sống chung đến nay, vợ chồng bà lo bận rộn làm ăn và cũng do không hiểu biết những quy định của pháp luật nên không đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần 03 năm nay, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vả từ những chuyện nhỏ nhặt, cuộc sống không còn tiếng nói chung. Bà và ông T cũng cố gắng hàn gắn nhưng tình hình không thể thay đổi. Tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể kéo dài, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: theo đơn khởi kiện bà C khai có 01 người con chung tên Trần Phượng T sinh ngày 19/5/1990 nhưng tại phiên tòa bà khai còn 01 người con tên Trần Hoài Th, sinh năm 1986 nhưng do không có giấy khai sinh nên khi khởi kiện bà không khai cháu T. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T với bà Phan Thị C tự tìm hiểu có chung sống với nhau từ năm 1989, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình do làm ghe gặp khó khăn. Ông T và bà C đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Hoài T, sinh năm 1986 và Trần Phượng T, sinh ngày 19/5/1990. Hiện nay cháu T và cháu T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Trần Văn T có nơi cư trú tại: Tổ 6, ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện "V/v xin ly hôn" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn Trung có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị C và ông Trần Văn T thấy rằng cả hai người đều khai chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng bà C và ông T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo căn cước công dân của cháu Trần Hoài T sinh ngày 01/01/1986, lẽ ra theo quy định Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì pháp luật công nhận hôn nhân thực tế giữa bà C và ông T nhưng do thiếu hiểu biết, các đương sự không làm xác nhận hôn nhân thực tế mà làm thủ tục xác nhận không đăng ký kết hôn, tại phiên tòa mới trình bày thêm có một người con tên Trần Hoài T. Phía ông T không có mặt tại phiên tòa để làm rõ quá trình chung sống như vợ chồng của hai người chính thức từ khi nào, và ông T có lời khai

đồng ý ly hôn với bà C và cả hai cũng không còn chung sống với nhau nữa, ai cũng có cuộc sống riêng.

Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị C và ông Trần Văn T.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hoài T, sinh ngày 01/01/1986 và Trần Phượng T, sinh ngày 19/5/1990.

Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), do bà Phan Thị Chiếm yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị C và ông Trần Văn T.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà C phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0001757 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

3. Báo cho bà Phan Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2024). Ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh